TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
-TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số:68/2024/HS-ST
Ngày: 15-07-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B-TỈNH BTH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Nguyễn Thị Phương Dung
2.Bà Phạm Thị Bích Lệ

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B Th tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên–Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BTh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2024/TLHS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/HSST ngày 20/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên:**Ngô Thị M,** sinh năm 1965, tại tỉnh Bình Thuận; hộ khẩu thường trú: thôn H, xã H, huyện B, tỉnh BTh; chổ ở hiện tại: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa:6/12;dân tộc:Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô D, sinh năm 1916 (chết) và con bà Nguyễn Thị C,(chết); có chồng là Huỳnh Văn D1 (chết); có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2024 (có mặt tại phiên tòa).

-Người bị hại:
A, sinh năm 1970(vắng mặt)
B13, sinh năm 1980(vắng mặt)
C7, sinh năm 1958(có mặt)
4/Võ Thị Hồng V, sinh năm 1990(có mặt)
E, sinh năm 1970(có mặt)
F, sinh năm 1965(có mặt)
G1, sinh năm 1962(vắng mặt)

H20, sinh năm 1973(vắng mặt)

9/Trần Thị Thiên H, sinh năm 1985(có mặt)

10/Huỳnh Thị Mai Tr, sinh năm 1967(có mặt)

A1, sinh năm 1975(vắng mặt)

12/Trần Thị Kim O, sinh năm 1965(có mặt)

A2, sinh năm 1980(có mặt)

14/Trần Thị L, sinh năm 1969(vắng mặt)

15/Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1984(có mặt)

A3, sinh năm 1981(có mặt)

17/Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1983(vắng mặt)

A4, sinh năm 1961(có mặt)

A5, sinh năm 1977(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Hồng Ch, xã H, huyện B, tỉnh BTh

20/Nguyễn Thị B, sinh năm 1958(có mặt)

B14, sinh năm 1965(có mặt)

B15, sinh năm 1967(có mặt)

23/Trương Thị Đức Th, sinh năm 1964(có mặt)

B16, sinh năm 1965(đã chết)

25/Nguyễn Thị H, sinh năm 1969(có mặt)

26/Lê Dạ Th, sinh năm 1981(vắng mặt)

B17, sinh năm 1983(có mặt)

B18, sinh năm 1964(có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Hồng H, xã H, huyện BB, tỉnh BTh

29/Nguyễn Thị H, sinh năm 1979(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hồng L, xã H, huyện B, tỉnh BTh

30/Nguyễn Thị D, sinh năm 1971(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh BTh.

-Người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Thị P: ông Võ Minh T, sinh năm 1983(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh B Th.

Người làm chứng:

1. Lê Thị D2, sinh năm 1970(có mặt)
2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (vắng mặt)
3. Nguyễn Thị L, sinh năm 1983(có mặt)
4. Lê Thị C1, sinh năm 1980(có mặt)
5. Hồ Thị M1, sinh năm 1970(có mặt)
6. Trần Thị H1, sinh năm 1962 (vắng mặt)
7. Phạm Thị Ngọc L1, sinh năm 1968(có mặt)
8. Nguyễn Thị N, sinh năm 1977 (vắng mặt)
9. Hồ Thị N1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

10.Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1985(có mặt)
11.Trương Thị L2, sinh năm 1980 (vắng mặt)
12.Nguyễn Thị Kim M2, sinh năm 1980 (vắng mặt)
13.Trương Thị Ngọc L3, sinh năm 1986 (vắng mặt)
14.Nguyễn Thị Mỹ L4, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh BTh.
15.Lê Thị B, sinh năm 1965(có mặt)
16.Phạm Thị Mỹ C2, sinh năm 1992(vắng mặt)
17.Lê Thị D2, sinh năm 1970 (vắng mặt)
18.Võ Thị H2, sinh năm 1981(vắng mặt)
19.Nguyễn Thị H, sinh năm 1972(vắng mặt)
20.Lê Dạ T2, sinh năm 1981(vắng mặt)
21.Nguyễn Thị Mỹ H3, sinh năm 1977(vắng mặt)
22.Võ Thị H4, sinh năm 1961(có mặt)
23.Võ Thị H2, sinh năm 1981(có mặt)
24.Trương Thị S, sinh năm 1968(vắng mặt)
25.Hà Thị Tuyết L5, sinh năm 1975(có mặt)
26.Lê Thị B, sinh năm 1965(có mặt)
27.Trần Thị Thiên H5, sinh năm 1985(có mặt)
28.Huỳnh Thị Mai T3, sinh năm 1967(có mặt)
29.Nguyễn Thị H, sinh năm 1972(vắng mặt)
30.Mai Thị B1, sinh năm 1965 (có mặt)
Cùng địa chỉ: thôn H, xã H, huyện B, tỉnh BTh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình sinh sống tại xã H, huyện B, tỉnh B Th, bị cáo Ngô Thị M thấy những người dân nơi đây thường tin tưởng nhau khi tham gia chơi huê với hình thức góp vốn định kỳ và chịu lãi theo thỏa thuận, hình thức hốt huê bỏ phiếu kín mỗi kỳ nhưng những người chơi này thường không gặp mặt nhau khi bỏ phiếu hốt huê mà chỉ tin tưởng bị cáo M là thủ huê báo lại số tiền người bỏ huê, hốt huê và M làm trung gian thu tiền người chơi giao tiền cho người bỏ phiếu được hốt nên Ngô Thị M nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác bằng hình thức mở ra nhiều dây huê do M làm thủ và rủ người tham gia chơi huê với nhau, thông báo số người chơi trong mỗi dây huê và số tiền mỗi dây, ngày mở huê, ngày mãn huê.Sau khi rủ được người đồng ý tham gia.Ngô Thị M lập ra phiếu có ghi tên người tham gia chơi thật theo tên thường gọi tại địa phương và người không tham gia nhưng Ngô Thị M ghi khống vào tờ giấy huê thể hiện nội dung dây huê bao nhiêu tiền, số phần chơi huê, thời gian hốt huê, ngày tháng năm xổ huê, ngày tháng năm mãn huê (tất

cả các dây huê đều tính theo lịch âm). Mười ghi số thứ tự tên người chơi huê phô tô đưa cho những người chơi thật giữ, có người tin tưởng Ngô Thị M thì không nhận tờ giấy huê từ M hoặc nhận nhưng không lưu giữ, bị thất lạc.Đến kỳ sổ huê, lợi dụng việc người chơi huê tin tưởng M và những người chơi huê không gặp mặt nhau nên M thông báo cho những người tham gia chơi thật tên người hốt huê và số tiền bỏ huê và tiến hành thu tiền những người tham gia chơi thật bằng cách đưa ra thông tin gian dối về số tiền hốt huê của người chơi huê khác nhằm mục đích thu tiền từ những người chơi huê thật.Để chứng minh người khác hốt huê, M ghi chữ h và số tiền hốt huê của người đó vào tờ giấy huê của người cần thu tiền huê, một số người nhận giấy huê giữ đó khi đến kỳ mở huê chỉ đưa tiền tự theo dõi, không đưa cho M ghi số tiền M thu bao nhiêu vào giấyhuê.Vì vậy, cùng một người hốt huê ở một thời điểm của một dây huê nhưng M nói số tiền hốt khác nhau.Mỗi lần đi thu tiền huê thì M nói với người tham gia huê là người khác đã hốt để họ tiếp tục nộp tiền huê.Từ 02/11/2019 đến ngày 10/01/2020 Ngô Thị M đã lập ra 27 dây huê khống chiếm đoạt tiền nộp huê của những người chơi huê thật, đến thời gian mãn huê thì M hẹn lại chưa trả tiền cho người chơi, dây huê chưa đến thời gian mãn huê thì ngày 16/6/2020 (là ngày 25/4/2020 âm lịch) bị cáo Ngô Thị M bỏ trốn vào tỉnh Đồng Nai sinh sống, chiếm đoạt tiền của những người chơi huê chưa được hốt huê nên họ làm đơn tố cáo bị cáo Ngô Thị M.

Quá trình điều tra một số người có giữ giấy huê cung cấp cho cơ quan điều tra triệu tập bị cáo Ngô Thị M nhưng bị cáo không thừa nhận bị cáo lập dây huê khống để chiếm đoạt tiền.Vì vậy, cơ quan điều tra tiến hành giám định mẫu giấy huê do người chơi huê cung cấp xác định cụ thể như sau:

Đối với 07 dây huê 3.000.000 đồng.

Dây huê thứ nhất: Dây huê 3.000.000 đồng, 16 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 02/11/2019 mãn 17/6/2020.Bốn người chơi huê gồm: Lê Thị H6 ,sinh năm 1970; Lê Thị T4, sinh năm 1980; Ngô Thị Đ, sinh năm 1958 và Võ Thị Hồng V1, sinh năm 1990 cùng trú tại thôn H, xã H, huyện B giao nộp 04 tờ huê ký hiệu A1, A7, A18, A20.Trong đó vị trí số 5, số F và vị trí số 9 ở các giấy huê có tên khác nhau (Bắc/Tiếng, Đ, Q), tổng số thành 19 người chơi huê.Số tiền ghi hốt huê do người chơi huê còn giữ cung cấp giám định là chữ viết là của bị cáo M, cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau như *(Mười h630/h650/h330,Quệ h700/h640,Sông h650/h760, B2 h850/h700...).*Trong tổng số 19 người chơi dây huê này thì có 07 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm:Trần Thị H1, Nguyễn Thị B3, Nguyễn Thị Mỹ L4, Nguyễn Thị H7, Phạm Thị Mỹ C2, Lê Thị B, Hà Thị Tuyết L5.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Lê Thị H6 4.740.000 đồng; Lê Thị T4 25.200.000 đồng; Ngô Thị

Đ 29.520.000 đồng và Võ Thị Hồng V1 25.590.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **85.050.000 đồng**.

Đối với bốn người chơi huê gồm: Nguyễn Thị L6, Nguyễn Đức L7, Phan Thị Ngọc L8, Trương Thị S, Nguyễn Thị Hồng Yến P1 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho bị cáo M và bị cáo cho rằng đã quên không nhớ số tiền đã thu hoặc những người này hốt huê chưa nên không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt của 04 người này nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ hai: Dây huê 3.000.000 đồng,17 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 10/9/2019 mãn 10/5/2020.Hai người chơi huê gồm: Lê Thị D2, sinh năm 1970, trú thôn H, xã H, huyện B và Mai Thị B1, sinh năm 1965, trú thôn H, xã H, huyện B giao nộp 03 tờ huê ký hiệu A28, A29, A48.Trong tổng số 17 người chơi dây huê này thì có 07 người tham gia chơi nhưng chưa hốt.Trong đó, Mai Thị B1 chơi 02 phần và Lê Thị D2 chơi 01 phần cung cấp được giấy chơi huê,01 người tham gia chơi là Nguyễn Thị Hồng Yến P1 chơi hai phần, đã hốt một phần, một phần chưa hốt. 08 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Trần Thị Thiên H5, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Mỹ H3, C3,Võ Thị H4,Võ Thị H2, Lê Thị B, Hồ Thị M1.Đây là dây huê khống do M lập ra chiếm đoạt tiền của người chơi huê là Mai Thị B1 4.900.000 đồng, Lê Thị D2 2.450.000 đồng.Tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là 7.**350.000** đồng.

Đối với bốn người chơi huê gồm Trần Thị Mỹ L9, Trần Thị H1, Phạm Thị Xuân T5, Nguyễn Thị H8 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ ba: Dây huê 3.000.000 đồng, 16 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 02/11/2019 mãn 17/6/2020.Ba người chơi huê gồm:Trần Thị C4, Lê Thị B và Lê Thị D2 cùng trú tại thôn H, xã H, huyện B giao nộp 04 tờ huê ký hiệu A10, A11, A45, A65. Trong đó vị trí số 8 và vị trí số 9 ở các giấy huê có tên khác nhau:Hao/Công/Bảy, Linh/Công.Tổng số thành 18 người chơi nhưng có 06 người tham gia chơi chưa được hốt, 11 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Lê Dạ T2, Phan Thị Ngọc L8, Nguyễn Thị B3, Võ Thị T6, Hà Thị Tuyết L5, H9, Trần Thị Thiên H5, Trần Thị N2, Nguyễn Thị H, Trần Thị H1.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Trần Thị C4 là 2.300.000 đồng, Lê Thị B là 4.600.000 đồng, Lê Thị D2 là 2.300.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **9.200.000 đồng**.

Đối với ba người chơi huê gồm Lê Thị H6, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H7 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho Ngô Thị Mười M nên

Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ tư: Dây huê 3.000.000 đồng, 14 phần, một tháng xổ một lần, xổ ngày 02/11/2019 mãn 02/12/2020. Hai người chơi huê gồm: Nguyễn Thị H10 và Trần Thị H1 giao nộp 03 tờ huê ký hiệu A15, A16, A50.Trong tổng số 14 người chơi dây huê này có: 04 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Nguyễn Thị H10, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Thanh N3, Lê Thị C1 và 09 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Lê Dạ T2, Phan Thị Ngọc L8, Lê Thị B, Huỳnh Thị Thanh H11,Vương Thị H12, Phan Thị Ngọc L8, Mai Thị Huyền T7, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Hồng Yến P1.Số tiền ghi hốt huê ở vị trí số 3 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M có khác nhau:*L8 h700/h710* cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị H10 là 4.600.000 đồng, Trần Thị H1 là 9.180.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **13.780.000 đồng**.

Đối với những người chơi huê còn lại gồm Nguyễn Thị Thanh N3 và Lê Thị C1 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ năm: Dây huê 3.000.000 đồng, 14 phần, một tháng xổ một lần, xổ ngày 10/11/2019 mãn 10/12/2020. Hai người chơi huê gồm:Trần Thị H1 và Lê Thị B giao nộp 02 tờ huê ký hiệu A49, A64.Trong đó, vị trí số 6 ở các giấy huê có tên khác nhau (Bảy/Quệ), tổng số thành 15 người chơi.

Trong tổng số 15 người chơi dây huê này thì có 07 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Lê Dạ T2, Trần Thị C4, Nguyễn Thị Mỹ H3, Nguyễn Thị N, L10, B4, Mai Thị N4, 05 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Trần Thị H1, Lê Thị B, Nguyễn Thị T8, Nguyễn Thị L6, Trần Thị N2, 02 người không làm việc được.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Lê Thị B là: **2.300.000 đồng**.

Đối với bốn người chơi huê gồm Trần Thị H1, Nguyễn Thị T8, Nguyễn Thị L6, Trần Thị N2 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ sáu: Dây huê 3.000.000 đồng, 14 phần, một tháng xổ một lần, xổ ngày 10/11/2019 mãn 10/12/2020.Hai người chơi huê gồm: Nguyễn Thị T8, Trần Thị Thiên H5 giao nộp 02 tờ huê ký hiệu A30, A38.Trong đó vị trí số 10 ở các giấy huê có tên khác nhau (Hao/Tư), tổng số thành 15 người chơi.Trong tổng số 15 người chơi dây huê này thì 10 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Trần Thị H1, Lê Dạ T2, Đ1, Vương Thị H12,

Á, Hồ Thị M1, Trần Thị C4, Trần Thị N2, C3, có 03 người tham gia chơi nhưng chưa hốt Võ Thị H2, Nguyễn Thị T8, Trần Thị Thiên H5 01 người không làm việc được, 01 người không xác định được.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị T8 4.550.000 đồng, Trần Thị Thiên H5 13.850.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **18.400.000 đồng**.

Đối với người chơi huê Võ Thị H2, do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ bảy: Dây huê 3.000.000 đồng, 16 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 21/11/2019 mãn 6/7/2020.Bốn người chơi huê gồm: Lê Thị D2, Trương Thị Đức T9, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị D3 giao nộp 04 tờ huê ký hiệu A6, A17, A31, A44.Trong đó vị trí số 7 và vị trí số 16 ở các giấy huê có tên khác nhau.(Gái/Dung, C5), tổng số thành 19 người chơi.Trong tổng số 19 người chơi dây huê này thì có 09 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Nguyễn Đức L7, Trần Thị H1, G, H13, Trần Thị Thiên H5, H12, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Nguyễn Thị Kim M2, 05 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm Lê Thị D2 chơi hai phần, Trương Thị Đức T9, Nguyễn Thị D3, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị L6, Trương Thị Ngọc L3, 01 người không làm việc được, 01 người không xác định được.Số tiền ghi hốt huê ở vị trí số 12 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M có khác nhau *(N h800/h700)* cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau. Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Lê Thị D2 là 2.200.000 đồng, Trương Thị Đức T9 là 2.200.000 đồng, Nguyễn Thị D3 là 2.300.000 đồng và Nguyễn Thị P 4.400.000 đồng;Tổng số tiền chiếm đoạt của dây huê này là **11.100.000 đồng**.

Đối với hai người chơi huê gồm Nguyễn Thị L6, Trương Thị Ngọc L3 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Tổng số tiền Ngô Thị M chiếm đoạt của 07 dây huê 3.000.000 đồng do các bị hại giao nộp các giấy tờ chơi huê là **147.180.000 đồng**.

Đối với 07 dây huê 2.000.000 đồng.

Dây huê thứ nhất: Dây huê 2.000.000 đồng, 25 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 12/9/2019 mãn 10/4/2020.Người chơi huê Nguyễn Thị H7 giao nộp 01 tờ huê ký hiệu A59.Trong tổng số 21 người chơi dây huê này thì có 16 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Trần Thị H1, Nguyễn Thị L6, Hồ Thị M1, Phan Thị Ngọc L8, G, Lê Thị D2, Trần Thị L11, Nguyễn Thị N, Trần Thị Thiên H5, Lê Thị B, Nguyễn Thị Bích T1, Nguyễn Thị T10,

Lê Thị D2, Phạm Thị Xuân T5, Nguyễn Đức L7, P2, 03 người không làm việc được,01 người là Nguyễn Thị H7 tham gia chơi 05 phần nhưng chưa hốt.Mười không thừa nhận mình lập ra và làm chủ dây huê này.Qua làm việc Nguyễn Thị H7 khai nhận mặc dù dây huê đã mãn ngày 10/4/2020 nhưng M xin khất nợ và đến ngày 25/4/2020 thì bỏ đi khỏi địa phương.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị H7 là **80.700.000 đồng**.

Dây huê thứ hai: Dây huê 2.000.000 đồng, 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 12/9/2019 mãn 10/4/2020. Người chơi huê Mai Thị B1 giao nộp 01 tờ huê ký hiệu A27.Trong tổng số 21 người chơi dây huê này thì có 15 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Nguyễn Thị B3, P2, Phạm Thị Xuân T5 ghi hai phần huê, Nguyễn Thị Mỹ L4, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị L6, Trần Thị H1, Lê Thị D2, Trần Thị L11, Nguyễn Thị N, H13, Võ Thị H4, Nguyễn Thị D3, Nguyễn Thị Hồng Phương Y, 01 người không làm việc được, 03 người không xác định, Mai Thị B1 tham gia chơi nhưng chưa hốt.Qua làm việc Mai Thị B1 khai nhận mặc dù dây huê đã mãn ngày 10/4/2020 nhưng M xin khất nợ và đến ngày 25/4/2020 thì bỏ đi khỏi địa phương.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Mai Thị B1 là **1.590.000 đồng**.

Dây huê thứ ba: Dây huê 2.000.000 đồng, 13 phần, 01 tháng xổ một lần, xổ ngày 06/12/2019 mãn 06/11/2020.Người chơi huê Huỳnh Thị Mai T3 giao nộp 01 tờ huê ký hiệuA40.Trong tổng số 13 người chơi dây huê này có: 05 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Nguyễn Thị L6, Lê Thị D2, H13, Trần Thị N2,Trần Thị Thiên H5, 03 người không làm việc được, 03 người không xác định, Huỳnh Thị Mai T3 tham gia chơi nhưng chưa hốt.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Huỳnh Thị Mai T3 là **2.800.000 đồng.**

Dây huê thứ tư: Dây huê 2.000.000 đồng, 14 phần, 01 tháng xổ một lần, xổ ngày 16/12/2019 mãn 16/12/2020. Bốn người chơi huê gồm: Nguyễn Thị H10 nộp 2 tờ huê, Lê Dạ T2, Trần Thị T11 và Huỳnh Thị Mai T3 giao nộp 05 tờ huê ký hiệu A13, A14, A41, A73, A74.Trong tổng số 14 người chơi dây huê này thì có 07 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Gái, Trần Thị N2, Nguyễn Thị T8, H14, H15, Lê Dạ T2, Trần Thị T11, 02 người không làm việc được, 04 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Nguyễn Thị H10 chơi hai phần, Trần Thị T11, Lê Dạ T2, Huỳnh Thị Mai T3.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị H10 là 5.900.000 đồng, Trần Thị T11 1.400.000 đồng, Lê Dạ T2 4.200.000 đồng, Huỳnh Thị Mai T3 2.800.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **14.300.000 đồng**.

Dây huê thứ năm: Dây huê 2.000.000 đồng, 14 phần, 01 tháng xổ một lần, xổ ngày 06/12/2019 mãn 06/11/2020. Người chơi huê Lê Thị H6 giao nộp 01 tờ huê ký hiệu A19.Trong tổng số 14 người chơi dây huê này thì có 08 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Q1, Mai Thị Huyền T7, Nguyễn Thị L6, Nguyễn Thị H7,Mai Thị N4, Nguyễn Thị T8, Phạm Thị Mỹ C2, Trương Thị L2,03 người không xác định, 02 người tham gia chơi là Lê Thị H6 và Hồ Thị M1 nhưng chưa hốt.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Lê Thị H6 là: **1.400.000 đồng**.

Đối với người chơi huê Hồ Thị M1 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ sáu: Dây huê 2.000.000 đồng, triệu 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 02/4/2020 mãn 22/9/2020.Bốn người chơi huê gồm Ngô Thị Đ, Lê Thị D2 và Trần Thị Kim O giao nộp 04 tờ huê ký hiệu A5, A37, A47, A61.Trong đó vị trí số 7 ở các giấy huê có tên khác nhau (Ánh/Oanh), tổng số thành 22 người chơi. Trong tổng số 22 người chơi dây huê này thì có 16 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào Nguyễn Đức L7, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị L6, Nguyễn Thị Bích T1, Đ2, Nguyễn Thị B3, Phạm Thị Xuân T5, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị Mỹ L4,Trần Thị N2, C3, Võ Thị H4, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, P3, Á, 01 người không xác định được, 05 người tham gia chơi nhưng chưa hốt Lê Thị D2, Ngô Thị Đ, Nguyễn Thị P, Trần Thị Kim O, Nguyễn Thị Kim M2.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Ngô Thị Đ 4.250.000 đồng, Nguyễn Thị P là 2.800.000 đồng, Lê Thị D2 2.800.000 đồng, Trần Thị Kim O là 8.400.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này **18.250.000 đồng**.

Đối với người chơi huê Nguyễn Thị Kim M2 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ bảy: Dây huê 2.000.000 đồng, 21 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 20/9/2019 mãn 20/7/2020. Ba người chơi huê gồm: Mai Thị B1, Nguyễn Thị L6, Trần Thị H1 giao nộp 04 tờ huê ký hiệu A26, A53, A68, A69.Trong tổng số 21 người chơi dây huê này thì có 13 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Phạm Thị Xuân T5, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị Thanh N3, Trần Thị N5, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Mỹ L4, Trần Thị N2, Trần Thị Thiên H5, Nguyễn Thị N, C3, Hồ Thị M1, Võ Thị H4, một người không xác định được, 02 người không làm việc được, 05 người tham gia chơi gồm Mai Thị B1, Trần Thị H1 và Nguyễn Thị L6, Lê Thị B5, Nguyễn Thị Hồng Yến P1 trong đó P1 đã hốt huê), trong năm người chơi thì

có Mai Thị B1, và Nguyễn Thị L6 đã đóng huê cho M.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Mai Thị B1 là 1.550.000 đồng, Nguyễn Thị L6 là 3.100.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **4.650.000 đồng**.

Đối với hai người chơi huê gồm Trần Thị H1 và Lê Thị B5 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Tổng số tiền M chiếm đoạt của bảy dây huê 2.000.000 đồng do các bị hại giao nộp các giấy tờ chơi huê là **123.690.000 đồng**.

Đối với mười ba dây huê 1.000.000 triệu đồng

D4 huê thứ nhất: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 10/7/2019 mãn 10/5/2020. Hai người chơi huê Lê Thị C1 và Trần Thị L11-chồng bà L11 là Trần Ngọc S1 giao nộp ký hiệu A3, A25. Trong đó vị trí số 8 và vị trí số 12 ở các giấy huê có tên khác nhau, tổng số thành 23 người chơi.Trong tổng số 23 người chơi dây huê này: có 10 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Lê Thị H6, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị Mỹ L4, Mai Thị N4, Huỳnh Thị Kim L12, Nguyễn Thị B6, Trần Thị L11, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Hà Thị Tuyết L5, 05 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Hồ Thị M1, Mai Thị B1, Nguyễn Thị B6, Lê Thị C1, Trần Ngọc S1 05 người không xác định được, 02 người không hợp tác để làm việc.Mười không thừa nhận mình lập ra và làm chủ dây huê này.Số tiền ghi hốt huê ở vị trí thứ 10 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M khác nhau(G h250/h150), cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Lê Thị C1 1.500.000 đồng, Trần Thị L11 850.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **2.350.000 đồng**.

Đối với ba người chơi huê còn lại gồm Hồ Thị M1, Mai Thị B1, Nguyễn Thị B6 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ hai: Dây huê 1.000.000 đồng, 26 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 10/7/2019 mãn 10/5/2020.Người chơi huê Trần Thị L11 - chồng bà L11 là Trần Ngọc S1 giao nộp 02 tờ huê ký hiệu A23 và A24.Trong đó vị trí số 19 và vị trí số 22 ở các giấy huê có tên khác nhau (L, H16), tổng số thành 27 người chơi.Trong tổng số 27 người chơi dây huê này: có 11 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Trương Thị Ngọc L3, Nguyễn Thị L6, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Nguyễn Thị Kim M2, T2, Mai Thị B1, Võ Thị H4, Hà Thị Tuyết L5, Hồ Thị M1, Lê Thị B, 14 người không xác định được, 01 người không hợp tác để làm việc, Trần Thị L11

tham gia chơi hai phần nhưng chưa hốt.Số tiền ghi hốt huê ở vị trí thứ 08 và vị trí số 12 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M nhưng tên người hốt huê không tham gia chơi phần huê này.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Trần Thị L11 là **1.700.000** đồng.

Dây huê thứ ba: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 10/7/2019 mãn 10/5/2020. Ba người chơi huê gồm: Trần Thị H1, Lê Thị B và Nguyễn Thị Kim M2 giao nộp 03 tờ huê ký hiệu A4, A55, A67. Trong đó vị trí số 12 ở các giấy huê có tên khác nhau (Bĩ/Minh), tổng số thành 22 người chơi.Trong tổng số 22 người chơi dây huê này: có 12 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm Huỳnh Thị Mai T3, Trần Thị Thiên H5, Phan Thị Ngọc L8, Hồ Thị M1, Hồ Thị N1, B7, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị Mỹ L4, G, Hà Thị Tuyết L5, Trương Thị Ngọc L3, H13, 03 người tham gia chơi Trần Thị H1 chơi 05 phần, Lê Thị B và Nguyễn Thị Kim M2, 05 người không xác định được, M không thừa nhận mình lập ra và làm chủ dây huê này. Số tiền ghi hốt huê ở vị trí thứ 20 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M có khác nhau (H13 h220/h240), cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Lê Thị B là 2.290.000 đồng, Nguyễn Thị Kim M2 là 1.530.000 đồng; tổng số tiền chiếm đoạt của dây huê này là **3.820.000 đồng**.

Đối với Trần Thị H1 khi đóng huê cho M, H1 không yêu cầu M xác nhận số tiền hốt huê của những con huê khác vào tờ giấy huê mà mình đang giữ, nên mặc dù có giao nộp tờ giấy huê nhưng không có nội dung số tiền và số lần đóng huê cho M, nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ tư: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 10/7/2019 mãn 10/5/2020.Hai người chơi huê gồm: Nguyễn Thị B6 và Nguyễn Thị L6) giao nộp 02 tờ huê ký hiệu A23, A24.Trong đó vị trí số 2 ở các giấy huê có tên khác nhau (Bẹp/Thu), tổng số thành 22 người chơi Trong tổng số 22 người chơi dây huê này: có 11 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Nguyễn Thị Bích T1, Trần Thị H1 hai phần, G, Trần Thị Thiên H5, Trương Thị L2, Nguyễn Thị Kim M2, Lê Thị B, Lê Thị C1, Trương Thị Ngọc L3, Nguyễn Thị Mỹ L4, 08 người tham gia chơi nhưng chưa hốt: Nguyễn Thị B6, Nguyễn Thị L6, Nguyễn Thị T12, Trần Thị L13, Mai Thị B1, Hồ Thị T13, Nguyễn Thị D5, Hồ Thị N1,02 người tham gia chơi đã hốt:Nguyễn Thị T10,Võ Thị H2.Ngoài số tiền ghi hốt huê ở vị trí thứ 11 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M đã hốt (h220) thì hầu hết những người tham gia dây huê này là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị B6 là 1.500.000 đồng, Nguyễn Thị L6 là

7.650.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là là: **9.150.000 đồng.**

Đối với những người chơi huê Nguyễn Thị T12, Trần Thị L13, Mai Thị B1, Hồ Thị T13, Nguyễn Thị D5, Hồ Thị N1 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ năm: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 12/9/2019 mãn ngày 10/4/2020. Có 5 người chơi huê gồm: Nguyễn Thị H10, Huỳnh Thị Mai T3, Trần Thị Kim O, Lê Thị B, Nguyễn Thị T14 giao nộp 05 tờ huê ký hiệu A12, A39, A63, A66, A5/2024. Trong đó vị trí số 1 và vị trí số 9 ở các giấy huê có tên khác nhau (Mười/ L, B8), tổng số thành 25 người chơi.Trong tổng số 25 người chơi dây huê này: có 10 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào: Nguyễn Thị L6, Lê Thị H6, Nguyễn Thị Bích T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức L7, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Lê Thị C1, Mai Thị B1, Trương Thị L2, Trần Thị H1, 07 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Nguyễn Thị H10, Huỳnh Thị Mai T3, Trần Thị Kim O, Lê Thị B, Nguyễn Thị T14, Phan Thị Ngọc L8, Phạm Thị Thu S2, 04 người tham gia chơi đã hốt gồm: Võ Thị T6, Nguyễn Thị T10, Hồ Thị N1, Nguyễn Thị B6, 03 người không xác định được.Qua làm việc những người chơi huê khai nhận mặc dù dây huê đã mãn ngày 10/4/2020 nhưng M xin khất nợ và đến ngày 25/4/2020 thì bỏ đi khỏi địa phương.Số tiền ghi hốt huê ở vị trí số 10, số B do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M có khác nhau (h220/h250 và h250/h190/h220), cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau. Ngoài số tiền ghi hốt huê ở vị trí số 4, số F, số A, số 17 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M đã hốt thì hầu hết những người tham gia dây huê này là tên khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị H10 là 7.650.000 đồng, Huỳnh Thị Mai T3 750.000 đồng, Trần Thị Kim O 9.870.000 đồng, Lê Thị B 2.290.000 đồng và Nguyễn Thị T14 1.530.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là: **22.090.000 đồng.**

Đối với hai người chơi huê Phan Thị Ngọc L8, Phạm Thị Thu S2 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ sáu: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 10/7/2019 mãn 10/5/2020. Người chơi huê Huỳnh Thị Mai T3 giao nộp 01 tờ huê ký hiệu A42.Trong tổng số 21 người chơi dây huê này: có 14 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Nguyễn Thị T14, Phạm Thị Thu S2, Mai Thị B1, Mai Thị N4, Lê Thị D2, Võ Thị H2, Nguyễn

Thị H, Nguyễn Thị L6, Lê Thị C1, Hồ Thị M1, Trần Thị H1, Phan Thị Ngọc L8, Nguyễn Thị N, Hồ Thị N1, 04 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Nguyễn Thị Mỹ L4, Huỳnh Thị Thanh H11, Huỳnh Thị Mai T3, Nguyễn Thị B6, Nguyễn Đức L7 tham gia nhưng đã hốt, 01 người không xác định được.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Huỳnh Thị Mai T3 là: **790.000** đồng.

Đối với ba người chơi huê Nguyễn Thị Mỹ L4, Huỳnh Thị Thanh H11, Nguyễn Thị B6 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ bảy: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 15 ngày xổ một lần, xổ ngày 20/9/2019 mãn 20/7/2020.Sáu người chơi huê gồm: Ngô Thị Đ, Trần Thị H1, Huỳnh Thị Kim L12, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị L6 giao nộp 06 tờ huê ký hiệu A2, A54, A58, A70, A71, A2/2024.Trong đó vị trí số 13 ở các giấy huê có tên khác nhau (Đào/Bé), tổng số thành 22 người chơi huê.Trong tổng số 22 người chơi dây huê này: có 07 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào (Lê Thị D2, H14, Huỳnh Thị Mai T3, Võ Thị H4, H13, Mai Thị B1, Nguyễn Thị B9), 08 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Ngô Thị Đ, Phạm Thị Xuân T5, Huỳnh Thị Kim L12, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị L6, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Nguyễn Thị H7, 02 người tham gia chơi đã hốt Thoa, Nguyễn Đức L7, 04 người không xác định để làm việc.Số tiền ghi hốt huê ở vị trí số 4, số F, số G, số19 và vị trí số 21 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M, cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau: *(Hoài h230/h180, Trúc h200/h180, Năm h180/h200, L14 h200/h200/h170, Sáu h180/h180/h210).* Ngoài số tiền ghi hốt huê ở vị trí số 2, số A, số A và số 19 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M đã hốt và không hợp tác để làm việc thì hầu hết những người tham gia dây huê này là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị Đ3 là 10.800.000 đồng, Huỳnh Thị Kim L12 là 4.710.000 đồng, Nguyễn Thị H7 là 6.420.000 đồng, Nguyễn Thị L6 là 1.580.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **23.510.000 đồng**.

Đối với bốn người chơi huê Phạm Thị Xuân T5, Hồ Thị M1, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ tám: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 10/01/2020 mãn 10/6/2020. Năm người chơi huê gồm: Nguyễn Thị D3, Ngô Thị Đ, Trần Thị H1 , Võ Thị Hồng V1 và Võ Thị H4, Nguyễn Thị P giao nộp ký hiệu A3, A1, A36, A21, A56, A1/2024.Trong đó vị trí số 8

và vị trí số 12 ở các giấy huê có tên khác nhau (H, D6), tổng số thành 24 người chơi.Trong tổng số 23 người chơi dây huê này: có 09 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Phạm Thị Thu S2, Trần Thị N2, Lê Thị B, Lê Thị H6, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị T8, Trần Thị Thiên H5, Nguyễn Thị N, Phan Thị Ngọc L8, 09 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Ngô Thị Đ, Nguyễn Thị Kim M2, Trần Thị H1, Hà Thị Tuyết L5, Võ Thị Hồng V1, Nguyễn Thị Bích T1, Nguyễn Thị D3, Võ Thị H4, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, 01 người tham gia chơi là Nguyễn Đức L7 đã hốt, 04 người không xác định được.Số tiền ghi hốt huê ở vị trí số 4, số 14, số A và số 20 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau:(Bảy h260/h350, H5 h270/h260, N h250/h270, Nam h330/h310).Như vậy, ngoài phần 01 người đã hốt, 04 người không hợp tác để làm việc nên không xác định thì đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị D3 1.400.000 đồng, Võ Thị Hồng V1 7.910.000 đồng, Trần Thị H1 7.000.000 đồng, Ngô Thị Đ 15.380.000 đồng và Võ Thị H4 1.400.000 đồng; tổng số tiền chiếm đoạt của dây huê này **33.090.000 đồng**.

Đối với những người chơi huê Nguyễn Thị Kim M2, Hà Thị Tuyết L5, Nguyễn Thị Bích T1, Nguyễn Thị Hồng Yến P1 không cung cấp được giấy tờ đã đóng tiền huê cho M và Nguyễn Thị P có cung cấp giấy huê nhưng trong danh sách 21 người chơi không có tên của P nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ chín: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 30/01/2020 mãn 30/7/2020. Bốn người chơi huê gồm: Ngô Thị Đ , Trần Thị Kim O, Lê Thị C1, Nguyễn Thị B9 giao nộp 04 tờ huê ký hiệu A4, A43, A60, A4/2023. Trong đó vị trí số 4 ở các giấy huê có 02 tên khác nhau (Bĩ/ C), tổng số thành 22 người chơi.Trong tổng số 22 người chơi dây huê này: có 14 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào (gồm T14, B7, Nguyễn Thị Bích T1, H13, Trần Thị H1, G, Đ2, Lê Thị B, N6, X, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Nguyễn Thị D3, Phạm Thị Xuân T5, T15) 05 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Võ Thị H4, Lê Thị C1, Lê Thị B10, Trần Thị Kim O, Ngô Thị Đ,02 người không hợp tác để làm việc. Số tiền ghi hốt huê ở vị trí số 2, số G, số I, số A, số 12, số 13 và số 15 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M, cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau*(T14 h350/h260, Ba h300/h280, Hai h250/h260, Gái h260/250, Đen h260/h250, B h260/h270, X h280/h310)*.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Ngô Thị Đ là 12.880.000 đồng; Lê Thị C1 là 14.850.000 đồng; Trần Thị Kim O là 11.500.000 đồng,

Nguyễn Thị B9 là 7.450.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **46.680.000** đồng.

Đối với người chơi huê Võ Thị H4 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ mười: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 02/4/2020 mãn 22/9/2020.Hai người chơi huê gồm: Lê Thị D2 và Trần Thị Kim O giao nộp 02 tờ huê ký hiệu A46, A62.Trong tổng số 21 người chơi dây huê này: có 09 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Nguyễn Thị Thanh N3, Nguyễn Thị L6, Nguyễn Thị D3, Nguyễn Thị Đ4, Võ Thị H4, Huỳnh Thị Mai T3, Trần Thị N5, Trương Thị Ngọc L3, Đ1, 07 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Trần Thị H1, Nguyễn Thị Kim M2, Trương Thị S, Lê Thị D2, Trần Thị Kim O, Nguyễn Thị P, Hồ Thị M1, 03 người không xác định được, 01 người không hợp tác để làm việc.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Lê Thị D2 là 1.400.000 đồng, Trần Thị Kim O là 16.800.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **18.200.000 đồng.**

Đối với người chơi huê Trần Thị H1, Nguyễn Thị Kim M2, Trương Thị S, Nguyễn Thị P, Hồ Thị M1 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ mười một: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 02/4/2020 mãn 22/9/2020. Ba người chơi huê gồm: Nguyễn Thị P, Trần Thị H1 và Võ Thị H4 giao nộp 03 tờ huê ký hiệu A35, A51. A3/2024.Trong đó vị trí số 11 ở các giấy huê có 02 tên khác nhau (Nhã/ H1), tổng số thành 22 người chơi.Trong tổng số 22 người chơi dây huê này có 12 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Trương Thị Ngọc L3, Phạm Thị Xuân T5, Nguyễn Thị D3, Nguyễn Thị Đ4, Nguyễn Thị Thanh N3, Trần Thị N5, Trương Thị S, Nguyễn Thị L6, Nguyễn Thị N, C3, Nguyễn Thị B9, 06 người tham gia chơi nhưng chưa hốt: Nguyễn Thị O1, Nguyễn Thị P, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Kim M2, Võ Thị H4, Hồ Thị M1, 02 người không xác định được, 01 người không hợp tác để làm việc.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị P là 2.800.000 đồng, Trần Thị H1 14.000.000 đồng, Võ Thị Hay l 2.800.000 đồng; tổng số tiền M chiếm đoạt của dây huê này là **19.600.000 đồng**.

Đối với ba người chơi huê Nguyễn Thị O1, Nguyễn Thị Kim M2, Hồ Thị M1 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan

điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ mười hai: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 30/1/2020 mãn 30/7/2020. Hai người chơi huê gồm: Võ Thị Hồng V1, Trần Thị H1 giao nộp 02 tờ huê ký hiệu A22, A57.Trong tổng số 21 người chơi dây huê này: có 13 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào gồm: Nguyễn Đức L7, Hồ Thị M1, Trần Thị Thiên H5, Nguyễn Thị Mỹ L4, Võ Thị H4, G, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, H13, Phạm Thị Xuân T5, Nguyễn Thị N, Lê Thị B, Nguyễn Thị Kim M2, Đ2), 03 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm: Võ Thị Hồng V1, Trần Thị H1, Nguyễn Thị B9, 03 người không xác định được, 01 người không hợp tác để làm việc.Đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Võ Thị Hồng V1 là 6.032.000 đồng,Trần Thị H1 là 26.880.000 đồng; tổng số tiền chiếm đoạt của dây huê này là **32.912.000 đồng**.

Đối với người chơi huê Nguyễn Thị B9 do không cung cấp được giấy tờ đóng tiền huê cho M nên Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền mà M đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thị M.

Dây huê thứ mười ba: Dây huê 1.000.000 đồng, 21 phần, 10 ngày xổ một lần, xổ ngày 10/01/2020 mãn 10/6/2020. Hai người chơi huê gồm: Nguyễn Thị T12 và Nguyễn Thị B6 giao nộp 02 tờ huê ký hiệu A5, A8.Trong đó vị trí số 1 và vị trí số 21 ở các giấy huê có tên khác nhau (Mười/Thuận và Đ5), tổng số thành 23 người chơi.Trong tổng số 23 người chơi dây huê này có 15 người không chơi do M tạo tên khống để ghi vào: Trương Thị S, Trần Thị H1, Nguyễn Thị B9, Nguyễn Thị Kim M2, Nguyễn Thị T8, C3, Võ Thị H4, Lê Thị H6, Phạm Thị Xuân T5, Trương Thị Ngọc L3, Hồ Thị M1, Trần Thị Thiên H5, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Trần Thị N5, Lê Thị B, 02 người tham gia chơi nhưng chưa hốt gồm Nguyễn Thị T12 và Nguyễn Thị B6, 01 người không hợp tác để làm việc, 04 người không xác định được.Số tiền ghi hốt huê ở vị trí số số 9 do người chơi huê cung cấp giám định là chữ viết của M.Cùng một người hốt huê ở một thời điểm của dây huê nhưng số tiền hốt khác nhau. *(Chín h280/h300)*.Như vậy đây là dây huê khống do M tạo ra để chiếm đoạt tiền người chơi Nguyễn Thị T12 5.070.000 đồng, Nguyễn Thị B6 là 700.000 đồng; tổng số tiền chiếm đoạt của dây huê này là **5.770.000** đồng.

Tổng số tiền M chiếm đoạt của 13 dây huê 1.000.000 đồng do các bị hại chơi huê giao nộp là **219.662.000 đồng**.

Tổng số tiền Ngô Thị M chiếm đoạt của 27 dây huê khống do M lập ra nhằm mục đích chiếm đoạt tiền người chơi là **490.532.000 đồng**.

Tang vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B đã tạm giữ 84 tờ huê do người chơi cung cấp để phục vụ công tác giám định chữ viết, chữ số.

Căn cứ Kết luận giám định số: 25/KL-KTHS, ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Phòng K (PC09) – Công an tỉnh B kết luận:

Chữ viết dạng chữ số được viết bằng mực xanh có nội dung: "650 760 850 750 640 710 750 700 750 750 650 700 820" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; có nội dung: "250 200 230 200 180 200 300 250 210 250 200 300 200 200 180" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2; có nội dung: "260 260 260 280 300 250 270 250 300 330 550" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3; có nội dung: "350 270 300 330 250 260 260 260 280" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4; có nội dung: "550 600 600" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết dạng chữ số tại mặt sau của tài liệu cần giám định ký hiệu A3(trừ chữ viết dạng chữ số có nội dung: "79500 79500 159000"), ký hiệu A4 (trừ chữ viết dạng chữ số có nội dung: "49500 49500 99000 1288000"); mặt sau các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 và trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M14 (trừ chữ viết dạng chữ số có nội dung: "0945019121" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M14) là do cùng một người viết.

Căn cứ Kết luận giám định số: 828/KL-KTHS, ngày 21 tháng7 năm 2023 của Phòng K (PC09) – Công an tỉnh B kết luận:

Không đủ cơ sở để kết luận các nét viết bằng mực màu xanh không rõ nội dung tại vị trí phía trước các chữ số: "650 760 850 750 640 710 750 700 750 750 650 700 820" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; "250 200 230 200 180 200 300 250 210 250 200 300 200 200 180" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2; "260 260 260 280 300 250 270 250 300 330 550" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3; "350 270 300 330 250 260 260 260 280" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4; "550 600 600" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết đứng tên Ngô Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ số 828-M1 đến số H và từ số B đến số 25-M12 có phải do cùng một người viết hay không.

Căn cứ Kết luận giám định số: 991/KL-KTHS, ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng K (PC09) – Công an tỉnh B kết luận:

Không đủ cơ sở để kết luận các nét viết bằng mực màu xanh không rõ nội dung tại vị trí phía sau số thứ tự và tên người trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A74 so với chữ viết đứng tên Ngô Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu số 25-M1, 25-M2, 25-M4, 25-M5 và trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ 25-M7 đến 25-M12, 25-M13, 25-M14, từ 828-M1 đến 828-M4 có phải do cùng một người viết hay không.

Chữ viết dạng chữ số phía sau số thứ tự và tên người tại mặt trước; các chữ viết và chữ viết dạng chữ số bằng mực màu xanh tại mặt sau trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A74 so với chữ viết và chữ viết dạng chữ số tại mặt sau các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu số 25-M1, 25-M2, 25-M4, 25-M5 và trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ 25-M7 đến 25-M12, 25-M13, 25-M14, từ 828-M1 đến H (chữ viết mẫu so sánh), cụ thể từng tài liệu như sau:

1. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1:

- Chữ số "300" tại vị trí số 10 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau (trừ chữ viết có nội dung: "tháng 1, lời 2, đầu, 6000 Dung") so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ viết có nội dung: "tháng 1, lời 2, đầu, 6000 D3" so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

2. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2: Chữ số "220, 180" tại vị trí số 19, 21 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

3. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3:

- Chữ số "250" tại vị trí số 7 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau (trừ chữ viết có nội dung: "Cúc Lê thị C6") so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Các chữ số bằng mực xanh tại các vị trí 17, 18, 19, 20, 21 trên mặt trước và chữ viết có nội dung: "Cúc Lê thị Cúc" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

4. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4:

- Chữ số "260, 260, 250, 260" tại vị trí số 2, 11, 12, 21 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau (trừ chữ viết có nội dung: "6 phần 24 triệu cồn 4 36 triệu ngày 24 dừng – 24=4") so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Các chữ số bằng mực xanh tại các vị trí 17, 18, 19, 20, 21 (trừ chữ số "26" tại vị trí số 21) trên mặt trước và chữ viết có nội dung: "6 phần 24 triệu cồn 4 36 triệu ngày 24 dừng – 24=4" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số "350" tại vị trí số 5 trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

5. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5: Chữ số "280, 30" tại vị trí số 9, 11 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

6. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6: Chữ số "800" tại vị trí số 12 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

7. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A7:

- Các chữ số "630, 700, 650, 650, 700, 860, 700, 760, 700, 700, 750" tại các vị trí từ số 1 đến 8 và từ số 11 đến 16 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số bằng mực xanh tại vị trí số 10 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

8. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A8: Chữ số "300" tại vị trí số 10 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

9. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9:

- Chữ số "250" tại vị trí số 9 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số "220" tại vị trí số 10 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

10. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A10:

- Các chữ số bằng mực đỏ và xanh tại các vị trí số 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 13, 14 trên mặt trước và các chữ số trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận các chữ số "7000, 7000" tại vị trí số 4, 12 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

11. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A11:

- Chữ số "700" tại vị trí số 4 trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Các chữ số bằng mực đỏ và xanh tại các vị trí số 1, 2, 3, từ số 5 đến số 11, 13, 14 trên mặt trước và các chữ số trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số "7000" tại vị trí số 12 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

12. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A12:

- Chữ số "220, 250" tại vị trí số 10, 21 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Các chữ số bằng mực màu xanh tại các vị từ số 1 đến số 8 và từ số 11 đến số 20" so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

13. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13:

- Chữ số "450, 600" tại vị trí số 8, 9 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số "450, 520, 650" tại vị trí số 10, 11, 12 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

14. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A14:

- Chữ số "450, 600" tại vị trí số 8, 9 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số "450, 650, 450, 550" tại vị trí số E, 6, 7, 10 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

15. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A15:

- Chữ số "700" tại vị trí số 3 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số "710, 550, 550, 750" tại vị trí số 4, 5, 6, 7 trên mặt trước và các chữ số trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

16. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A16:

- Chữ số "700" tại vị trí số 4 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số "710, 550, 550, 750" tại vị trí số E, 6, 7, 8 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

17. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A17: Chữ số "700" tại vị trí số 12 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

18. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A18: Chữ số "700, 560" tại vị trí số 12, 14 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

19. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A19: Chữ số "600" tại vị trí số 10 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

20. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A20:

- Các chữ số "330, 640, 700, 710, 700, 700, 750, 760, 650, 650, 820" tại các vị trí 1, 3, 5, từ 8 đến 15 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số "750" tại vị trí số 4 và chữ viết tại mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

21. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A21: Chữ số "250, 350, 260, 260, 280, 300, 250, 260, 270, 300, 310" tại các vị trí từ số 3 đến 20 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

22. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A22: Chữ số "28, 300, 270, 260, 250, 260, 330, 270" bằng mực màu xanh so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

23. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A23:

- Chữ số "150" bằng mực màu xanh so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ viết có nội dung: "Trần Ngọc S1" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

24.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A24:

- Chữ số "150" bằng mực màu xanh so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ viết có nội dung: "Trần Ngọc S1" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

25.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A25:

- Chữ số "150" tại vị trí số 7 trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ viết có nội dung: "Trần Ngọc S1" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

26.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A26: Chữ số "450" tại vị trí số 21 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

27. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A27:

- Chữ số "410" tại vị trí số 13 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận các chữ số trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

28.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A28: Chữ số "550" tại vị trí số 9 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

29.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A29: Chữ số "550" tại vị trí số 10 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

30. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A30: Chữ số "700, 750" tại vị trí số 13, 14 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

31.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A31:

- Chữ số "800" tại vị trí số 9 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Các chữ số được viết bằng mực màu xanh tại vị trí từ số 3 đến 8 và từ số 10 đến 15 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

32.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A32:

- Các chữ số được viết bằng mực màu xanh tại vị trí số 1, 2 và từ số 16 đến 21 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

33.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A33: Các chữ số được viết bằng mực màu xanh tại vị trí số 1, 2 và từ số 16 đến 21 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

34.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A34: Các chữ số được viết bằng mực màu xanh tại vị trí số 1, 2 và từ số 16 đến 21 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

35.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A35:

- Chữ số "300" tại vị trí số 16 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số “3000, 3000” tại vị trí số 14, 15 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

36.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A36:

- Các chữ số được viết bằng mực màu xanh tại vị trí từ số 5 đến 16 trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

- Chữ viết tại mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

37.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A37:

- Chữ số “600” tại vị trí số 16 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số “600, 6000” tại vị trí số 14, 15 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

38. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A38: Chữ số “800, 700, 650, 650, 650, 700” tại vị trí số 4, 5, 7, 8, 10, 12 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;.

39.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A39: Chữ viết “250” tại vị trí số 10 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

40.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A40: Chữ số “600” tại vị trí số 9 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

41.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A41: Chữ số “600” tại vị trí số 10 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

42.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A42:

- Chữ số “210” tại vị trí số 12 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số “180” tại vị trí số 13 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

43.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A43: Chữ số “250, 260” tại vị trí số 9, 11 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

44.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A44:

- Chữ số “800” tại vị trí số 12 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số bằng mực màu xanh tại vị trí từ số 1 đến số 11 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

45.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A45:

- Chữ số “700” tại vị trí số 3 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số bằng mực màu xanh tại vị trí từ 1 đến 11 (trừ chữ số “700” tại vị trí số 3) so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

46.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A46: Chữ số bằng mực màu xanh tại vị trí số 16 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

47.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A47: Chữ số "600" tại vị trí số 16 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

48.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A48:

- Chữ số "550" tại vị trí số 11 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số "700, 390, 420, 360, 420, 760" tại vị trí số 9, 10, 12, 13, 14, 15 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

49.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A49:

- Chữ số bằng mực xanh, đen tại vị trí từ số 1 đến số 6 so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

- Chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

50. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A50:

- Chữ số "710, 700" tại vị trí số 3, 4 trên mặt trước và chữ viết tại mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số bằng mực màu xanh, đen tại vị trí từ 1 đến 6 (trừ chữ số "710, 700" tại vị trí số 3, 4) so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

51. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A51:

- Chữ số "300, 300" tại vị trí số 16, 21 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số bằng mực màu xanh, đen tại vị trí 1, 2, 3 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

52. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A52:

- Chữ số bằng mực xanh, đen tại vị trí từ số 1 đến số 9 trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

- Chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

53. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A53: Chữ số bằng mực xanh, đen tại vị trí từ số 1 đến số 15 trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

54. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A54: Chữ số bằng mực xanh, đen, đỏ tại vị trí từ số 1 đến số 15 trên mặt trước và chữ viết bằng mực màu xanh trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

55. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A55:

- Chữ số bằng mực xanh, đỏ, đen tại vị trí từ số 1 đến số A (trừ chữ số tại vị trí số 9) và chữ số "25/3=320, 10/4=350" trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết;

- Chữ viết có nội dung: "quê 1000 nửa tháng có (21 ph) chơi 5 phần" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số tại vị trí số 9 trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

56. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A56:

- Chữ số "300" tại vị trí số 14 trên mặt trước và chữ viết có nội dung: "ngày 10, giêng, 2020 quê 1,000 (10 ngày) có 21 phần chơi 10 phần" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số bằng mực xanh, đen tại vị trí từ số 1 đến số 11 trên mặt trước so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

57. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A57:

- Chữ số "250, 260, 250" tại vị trí số 1, 2, 3 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số bằng mực xanh, đen tại vị trí từ số 1 đến số I (trừ chữ số "250, 260, 250" tại vị trí số 1, 2, 3) so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

58. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A58:

- Chữ số "200, 180, 180, 200, 250, 200, 200, 170" tại vị trí số 2, 4, 6, 7, 11, 12, 14, 19 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ kể để kết luận chữ số bằng mực màu xanh tại vị trí số 21 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

59. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A59:

- Chữ số "400, 500, 410, 300, 350, 300, 400, 350, 500, 350, 450, 500, 250" tại các vị trí từ số 2 đến số 21 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau (trừ chữ viết có nội dung: "lệ") so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ viết có nội dung: "lệ" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

60. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A60:

- Chữ số "290, 330, 280, 260, 250, 260, 270, 310" tại vị trí số 3, 5, 7, 9, 11, 12, 13, 15 trên mặt trước và chữ viết có nội dung: "ngày 30, giên, 2020 quê 1,000 (10 ngày) chơi 2 phần đầu quê có (21 phần)" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ kể để kết luận chữ số "260" tại vị trí số 4 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không;

- Chữ viết có nội dung: "30-giêng 11tr Oanh Trần thị kim Oanh" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

61.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A61:

- Chữ số "600, 600, 600" tại vị trí số 11, 16, 19 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ viết có nội dung: "2-4 2tr Oanh Trần thị kim Oanh" so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

62.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A62:

- Chữ số "300, 300, 300, 300" tại vị trí số 8, 16, 18, 21 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ viết có nội dung: "2-4 1tr Oanh Trần thị kim Oanh" so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

63.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A63:

- Chữ số "280, 250, 210, 300, 220, 210, 250, 240, 250, 200, 250, 280, 190" tại vị trí từ số 2 đến số G, 9, 10 và từ 14 đến 17, 20, 21 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ kể để kết luận chữ số "250, 300, 210, 300, 300" tại vị trí số 11, 12, 13, 18, 19 và chữ số tại vị trí số 8 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không;

- Chữ viết có nội dung: 10-7-2019 1tr Oanh Trần thị kim Oanh" so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

64. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A64: Chữ số "700" tại vị trí số 10 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

65. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A65: Chữ số "700, 700" tại vị trí số 9, 12 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

66. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A66: Chữ số "250, 240, 220" tại vị trí số 10, 16, 21 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

67. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A67: Chữ số "250, 220, 240" được viết bằng mực màu xanh so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

68. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A68: Chữ số "450" tại vị trí số 21 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

69. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A69: Chữ số "450" tại vị trí số 6 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

70. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A70: Chữ số "210" tại vị trí số 12 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

71. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A71: Chữ số "210" tại vị trí số 21 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

72. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A72: Chữ số "220, 250" tại vị trí số 11, 20 trên mặt trước và chữ viết trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết.

73. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A73:

- Chữ số "600" tại vị trí số 11 so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ số "4500" tại vị trí số 11 so với chữ viết mẫu so sánh có phải do cùng một người viết hay không.

74.Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A74:

- Chữ số "600" tại vị trí số 9 trên mặt trước và chữ viết có nội dung: "quê 2,000.000đ một tháng khui ngày 16, 12, 2019 đầu quê có 14 phần mãng chơi 3 phần" so với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết;

- Chữ số có nội dung bắt đầu và kết thúc: "16/12/-600.000 … 22.80.0.000" trên mặt sau so với chữ viết mẫu so sánh là không phải do cùng một người viết.

Căn cứ Kết luận giám định số: 179/KL-KTHS, ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Phòng K (PC09) – Công an tỉnh B kết luận:

- Không đủ cơ sở để kết luận các nét viết bằng mực màu xanh không rõ nội dung tại vị trí phía sau số thứ tự và tên người trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ viết đứng tên Ngô Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu số 25-M1, 25-M2, 25-M4, 25-M5 và trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ 25-M7 đến 25- M14, từ 828-M1 đến 828-M4 có phải do cùng một người viết hay không.

- Chữ số "300" tại vị trí số 12 trên mặt trước và chữ viết bằng mực màu xanh có nội dung: "ngày 10, giên 2020 … chơi 2 phần" trên mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ số "260" tại vị trí số 7, "250" tại vị trí số 9 trên mặt trước và chữ viết bằng mực màu xanh có nội dung: "ngày 30, giên, 2020 … chơi 2 phần" trên mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu A2; chữ số "300" tại các vị trí số 8, 21 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3; chữ số "250", "220" bằng mực màu xanh trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4; chữ số "250" tại vị trí 10, "220" tại vị trí số 21 trên mặt trước và chữ viết bằng mực màu xanh có nội dung: "quê khui ngày … chơi 2 phần" trên mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết và chữ viết dạng chữ số tại mặt sau các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu 25-M1, 25-M2, 25-M4, 25-M5 và trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ 25-M7 đến 25- M14, từ 828-M1 đến H là do cùng một người viết.

- Chữ viết dạng chữ số phía sau các số thứ tự từ vị trí số 1 đến số 8 và từ vị trí số 11 đến số 20 trên mặt trước tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết và chữ viết dạng chữ số tại mặt sau các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu 25-M1, 25-M2, 25-M4, 25-M5 và trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ 25-M7 đến 25- M14, từ 828-M1 đến H là không phải do cùng một người viết.

Các bị hại trong 27 dây huê yêu cầu bị cáo Ngô Thị M bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.Đến nay bị cáo chưa bồi thường.

-Tại cáo trạng số 08/CT –VKSBT-P1 ngày 05/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Ngô Thị M về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+Đối với những người tố cáo của các dây huê do M lập ra và làm chủ huê nhưng không cung cấp được chứng cứ giấy tờ đã đóng huê cho bị cáo Ngô Thị M, khi những người này cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau gồm:

1. Nguyễn Thị L6, Nguyễn Đức L7, Phan Thị Ngọc L8,Trương Thị S, Nguyễn Thị Hồng Yến P1.
2. Trần Thị Mỹ L9, Trần Thị H1, Phan Thị Xuân T16, Nguyễn Thị H8.
3. Lê Thị H6, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Hiệp
4. Nguyễn Thị Thanh Nhã, Lê Thị C1
5. Trần Thị H1, Nguyễn Thị T8, Nguyễn Thị L6, Trần Thị N2
6. Võ Thị Hảo
7. Nguyễn Thị Liêm, Trương Thị Ngọc Loan
8. Hồ Thị Minh
9. Nguyễn Thị Kim Minh
10. Trần Thị Huệ, Lê Thị Bé
11. Hồ Thị Minh, Mai Thị B1, Nguyễn Thị Bẹp
12. Nguyễn Thị Thuận, Trần Thị L13, Mai Thị B1, Hồ Thị T13, Mai Thị D7,Hồ Thị Nữ
13. Phan Thị Ngọc Lan, Phạm Thị Thu Sương
14. Nguyễn Thị Mỹ Lệ, Huỳnh Thị Thanh H11, Nguyễn Thị B6
15. Phạm Thị Xuân T5, Hồ Thị M4, Trần Thị H17, Nguyễn Thị H yến Phương
16. Nguyễn Thị Kim Minh, Hà Thị Tuyết L5, Nguyễn Thị Bích T1, Nguyễn Thị Hồng Yến P1,
17. Võ Thị H4
18. Trần Thị H17, Nguyễn Thị Kim M5, Trương Thị S, Nguyễn Thị P, Hồ Thị M4.

+Đối với những người tố cáo Ngô Thị M lập ra các dây huê khống để chiếm đoạt tiền còn có vay tiền để chiếm đoạt gồm: Trương Thị Ngọc L3, Nguyễn Thị L15, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Hà Thị Tuyết L5, Hồ Thị M4, Trần Thị N5, Nguyễn Thị H, Hà Thị Mai T18, Trần Thị H17, Hồ Thị N1, Hồ Thị B11, Ngô Thị Đ, Lê Thị D2, Vương Thị H12, Dương Thị H18, Lê Minh T19, Đặng Đức T20 còn tố cáo Ngô Thị M vay tiền và M chiếm đoạt số tiền này.Tuy nhiên, Trương Thị Ngọc L3, Nguyễn Thị L15, Nguyễn Thị Hồng Yến P1, Hà Thị Tuyết L5, Hồ Thị M4, Trần Thị N5, Nguyễn Thị H, Hà Thị M T18, Trần Thị H17, Hồ Thị N1 nhưng chưa cung cấp được giấy tờ cho M

vay tiền.Mặc khác, những người cho vay tiền khai sau khi cho M vay tiền, Ngô Thị M có trả lãi suất cao cho họ.Do đó, cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xác định M lừa đảo chiếm đoạt số tiền vay mượn này.Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ và sẽ xử lý sau.

-Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân huyện B thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi tính chất phạm tội của bị cáo, giữ nguyên truy tố bị cáo Ngô Thị M theo tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ **"***thành khẩn khai báo, nhân thân tốt*" quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51; tình tiết tăng nặng "*phạm tội hai lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Ngô Thị M từ 8(T21) đến 9(C3) năm tù" về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*";Trách nhiệm dân sự: đề nghị bị cáo Ngô Thị M phải bồi thường cho 30 bị hại: Lê Thị H6 là 6.140.000 đồng;Lê Thị T4 là là 25.200.000 đồng; Ngô Thị Đ là 72.830.000 đồng;Võ Thị Hồng V1 là 39.532.000 đồng;Lê Thị D2 là 11.150.000 đồng; Mai Thị B1 là 8.040.000 đồng; Trần Thị C4 là 2.300.000 đồng; Lê Thị B là 11.480.000 đồng; Nguyễn Thị H10 là 18.150.000 đồng; Trần Thị H17 là 57.060.000 đồng; Nguyễn Thị T8 là 4.550.000 đồng; Trần Thị Thiên H5 13850.000 đồng; Trương Thị Đức T9 2.200.000 đồng; Nguyễn Thị P là 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị D3 là 3.700.000 đồng; Nguyễn Thị H7 là 87.120.000 đồng; Huỳnh Thị Mai T3 là 7.140.000 đồng; Lê Dạ T2 là 4.200.000 đồng; Trần Thị T11 là 1.400.000 đồng; Trần Thị Kim O là 46.570.000 đồng; Nguyễn Thị L15 là 12.330.000 đồng; Lê Thị C1 là 16.350.000 đồng;Trần Thị L11 là 2.550.000 đồng; Nguyễn Thị Kim M5 là 1.530.000 đồng; Nguyễn Thị B6 là 2.200.000 đồng; Nguyễn Thị T14 là 1.530.000 đồng; Huỳnh Thị Kim L12 là 4.710.000 đồng;Võ Thị Hay là 4.200.000 đồng;Nguyễn Thị B9 là 7.450.000 đồng; Nguyễn Thị T17 là 5.070.000 đồng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và các Điều 548; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

-Trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho rằng do bị cáo làm thủ huê từ năm 2016 bị một số người chơi huê hốt huê nhưng không đóng huê cho bị cáo nên bị mất khả năng chi trả và bị cáo nghĩ ra lập những dây huê khống với những người khác để chiếm đoạt tiền bù vào tiền bị cáo thua lỗ trước đó.Vì vậy, số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người chơi huê hiện tại bị cáo không có khả năng trả lại, do mất khả năng trả lại nên vào Đồng Nai sống cùng con của bị cáo, thời gian bị cáo rời khỏi địa phương là đi điều trị bệnh chớ không bỏ trốn nhưng do khi đi một số người còn nợ huê của bị cáo đã lấy hết sổ theo dõi huê của bị cáo nên bị cáo không còn nhớ đã chiếm đoạt tiền huê của những bị hại

bao nhiêu.Theo chứng cứ giám định của cơ quan điều tra như thế nào thì bị cáo đồng ý chịu trách nhiệm đến đó và lời nói sau cùng của bị cáo Ngô Thị M không ý kiến gì thống nhất luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến và trình bày của những người bị hại có mặt tại phiên tòa cho rằng số tiền huê bị cáo M chiếm đoạt nhiều hơn gấp nhiều lần nhưng do bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại khi nộp huê không yêu cầu bị cáo ghi đầy đủ vào giấy huê của các bị hại nên bị cáo không thừa nhận và cho rằng quên.Vì vậy, những bị hại đồng ý với những chứng cứ do cơ quan điều tra đã chứng minh được số tiền bị cáo chiếm đoạt và yêu cầu Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án cao nhất.Bởi mức đề nghị của đại diện viện kiểm sát là nhẹ so với hành vi hậu quả bị cáo gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng pháp luật.

Đối với những bị hại vắng mặt và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]*Về căn cứ buộc tội:* Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị M thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu và đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa và lời khai của bị cáo, bị hại có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của những người bị hại tại phiên tòa, kết luận giám định số **25**/KL-KTHS ngày 07/02/2023,kết luận giám định số **828**/KL-KTHS ngày 21/07/2023; kết luận giám định số **991**/KL-KTHS ngày 25/8/2023; kết luận giám định số **179**/KL-KTHS ngày 07/02/2023; kết luận điều tra số 12/2024/KLĐT ngày 16/02/2024 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định bị cáo Ngô Thị M trong thời gian làm thủ huê năm 2016 thấy những người tham gia chơi huê do bị cáo làm thủ khi mở huê những người tham gia không có mặt mà tin tưởng bị cáo nộp tiền chơi huê do bị cáo Ngô Thị M thu nên từ ngày 02/11/2019 bị cáo dùng thủ đoạn gian dối rủ một số người tham gia chơi huê thật để mở 27 dây huê khống (ghi thêm tên một số người không chơi huê vào từng dây huê đưa ra thông tin khống cho rằng người chơi huê đã hốt huê nên bị cáo tiến hành thu tiền huê của người chơi huê, mục đích thu

tiền những người tham gia chơi huê thật chiếm đoạt số tiền của những bị hại gồm:

Lê Thị H6 là 6.140.000 đồng

Lê Thị T4 là là 25.200.000 đồng

Ngô Thị Đ là72.830.000 đồng

Võ Thị Hồng V 39.532.000 đồng

Lê Thị D2 là 11.150.000 đồng

Mai Thị B1 là 8.040.000 đồng

Trần Thị C4 là 2.300.000 đồng

Lê Thị B là 11.480.000 đồng

Nguyễn Thị H10 là 18.150.000 đồng

Trần Thị H17 là 57.060.000 đồng

Nguyễn Thị T8 là 4.550.000 đồng

Trần Thị Thiên H5 13850.000 đồng

Trương Thị Đức T9 2.200.000 đồng

Nguyễn Thị P là 10.000.000 đồng

Nguyễn Thị D3 là 3.700.000 đồng

Nguyễn Thị H7 là 87.120.000 đồng

Huỳnh Thị M T3 là 7.140.000 đồng.

Lê Dạ T2 là 4.200.000 đồng

Trần Thị T11 là 1.400.000 đồng

Trần Thị Kim O là 46.570.000 đồng

Nguyễn Thị L15 là 12.330.000 đồng

Lê Thị C1 là 16.350.000 đồng

Trần Thị L11 là 2.550.000 đồng

Nguyễn Thị Kim M5 là 1.530.000 đồng

Nguyễn Thị B12 2.200.000 đồng

Nguyễn Thị T14 là 1.530.000 đồng

Huỳnh Thị Kim L12 là 4.710.000 đồng

Võ Thị H là 4.200.000 đồng

Nguyễn Thị B9 là 7.450.000 đồng

Nguyễn Thị T17 là 5.070.000 đồng rồi bỏ trốn vào tỉnh Đồng Nai sinh sống.Tổng số tiền bị cáo Ngô Thị M chiếm đoạt là **490.532.000**(***Bốn trăm chín mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn***) ***đồng*** đã phạm vào tội "Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản".Tội phạm được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]*Về nhận thức, tính chất hành vi phạm tội*: Bị cáo Ngô Thị M nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, người nào dùng thủ đoạn gian dối mục đích để chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo tham lam và xem thường pháp luật nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi thực hiện phạm tội của bị cáo M thực hiện có tính toán trước và đưa ra thông tin sai sự thật nên những bị hại giao tài sản là tiền đóng huê cho bị cáo mà các bị hại đều tin tưởng là giao dịch dân sự ngay tình, không biết bị cáo chiếm đoạt tài sản của những bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo hoàn thành khi bị cáo đã thu tiền của bị hại và rời khỏi địa phương đi nơi khác sống và không hoàn lại số tiền thu huê cho các bị hại.Vì vậy, tại phiên tòa bị cáo nại ra rằng do thời gian làm thủ huê bị một số người khác không đóng huê cho bị cáo, bị cáo bị thua lỗ nên lập ra dây huê mới để thu tiền huê những người khác nhằm kéo dài tình trạng mất khả năng chi trả tiền huê nhưng sau đó do bị cáo bệnh đi chữa bệnh ở nhà những người thiếu tiền chơi huê của bị cáo đến nhà bị cáo lấy hết sổ ghi theo dõi huê nên bị cáo không nhớ được số tiền huê đã thu của các bị hại nên không thể hoàn trả.Lời khai nại của bị cáo không có căn cứ.Bởi ngay từ khi lập 27 dây huê bị cáo đã cố ý lập khống ghi tên người không chơi và ghi số tiền hốt huê khác nhau của người mà bị cáo tự ghi thêm mục đích thu tiền huê của người chơi huê thật để chiếm đoạt, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương.Như vậy, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm mất lòng tin của người dân và ảnh hưởng tình hình trật tự tại địa phương.Bị cáo không những thực hiện hành vi phạm tội một lần mà bị cáo thực hiện hành vi gian dối nhiều lần với nhiều người để mục đích chiếm đoạt tài sản.Sau khi chiếm đoạt được tài sản của bị hại, bị cáo bỏ trốn đi nơi khác làm ăn sinh sống và hiện nay chưa khắc phục hậu quả cho những bị hại nên hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện cần xử mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân sống chấp hành pháp luật và cũng răn đe phòng ngừa tội phạm chung hiện nay.

[4]*Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

[4.1]*Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần với nhiều người là "*phạm tội 2 lần trở lên*" đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2]*Tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị M đã thừa nhận tội theo kết quả giám định và thừa nhận hành vi, nhân thân bị cáo tốt.Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[5]Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng điều luật,tội danh, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Ngô Thị M từ 8-09 năm tù, Hội đồng xét xử xét thấy đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt 490.532.000 đồng và bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 27 lần chiếm đoạt tiền của 30 người, bị cáo hiện nay không khắc phục hậu quả nên mức án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mà những bị hại cho rằng là nhẹ so với tính chất hành vi và hậu quả bị cáo gây ra là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét lại mức án hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp tương xứng phù hợp quy định pháp luật.

[6]*Về xử lý vật chứng*: không.

[7]*Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại đồng ý về số tiền do bị cáo Ngô Thị M thừa nhận đã chiếm đoạt của các bị hại và yêu cầu bị cáo Ngô Thị M bồi thường lại số tiền cho các bị hại theo nội dung cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các bị hại có căn cứ được quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 584; Điều 586 và Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[8]*Về án phí:* Bị cáo Ngô Thị M phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTVQH 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:- Điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Điểm a, c Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thị M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị M 10 (M) năm tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 21/01/2024.

Xử buộc: Bị cáo Ngô Thị M phải bồi thường cho các bị hại gồm:

1. Lê Thị H6 là 6.140.000 đồng
2. Lê Thị T4 là là 25.200.000 đồng
3. Ngô Thị Đ là 72.830.000 đồng
4. Võ Thị H19 là V1 39.532.000 đồng

5. Lê Thị D2 là 11.150.000 đồng
6. Mai Thị B1 là 8.040.000 đồng
7. Trần Thị C4 là 2.300.000 đồng
8. Lê Thị B là 11.480.000 đồng
9. Nguyễn Thị H10 là 18.150.000 đồng
10. Trần Thị H17 là 57.060.000 đồng
11. Nguyễn Thị T8 là 4.550.000 đồng
12. Trần Thị Thiên H5 13.850.000 đồng
13. Trương Thị Đức T9 2.200.000 đồng
14. Nguyễn Thị P(đại diện là anh Võ Minh T nhận là 10.000.000 đồng
15. Nguyễn Thị D3 là 3.700.000 đồng
16. Nguyễn Thị H7 là 87.120.000 đồng
17. Huỳnh Thị Mai T3 là 7.140.000 đồng.
18. Lê Dạ T2 là 4.200.000 đồng
19. Trần Thị T11 là 1.400.000 đồng
20. Trần Thị Kim O là 46.570.000 đồng
21. Nguyễn Thị L15 là 12.330.000 đồng
22. Lê Thị C1 là 16.350.000 đồng
23. Trần Thị L11 là 2.550.000 đồng
24. Nguyễn Thị Kim M5 là 1.530.000 đồng
25. Nguyễn Thị B6 là 2.200.000 đồng
26. Nguyễn Thị T14 là 1.530.000 đồng
27. Huỳnh Thị Kim L12 là 4.710.000 đồng
28. Võ Thị H là 4.200.000 đồng
29. Nguyễn Thị B9 là 7.450.000 đồng
30. Nguyễn Thị T17 là 5.070.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Xử buộc: Bị cáo Ngô Thị M phải nộp 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 23.621.280 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận* :**
- Bị cáo
- Bị hại .
- Người có qlnvlq
- VKS huyện B;
- THA;
- Công an huyện B
- Lưu H/s VA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Thảo